

Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông

Phạm Thị Thu Hiền

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: hienpham170980@gmail.com

TÓM TẮT: Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh phổ thông ở nhiều nước trên thế giới đã được tiến hành từ lâu, nhưng ở Việt Nam lại là một điểm mới trong Chương trình môn Ngữ văn 2018. Giáo viên Ngữ văn của Việt Nam lâu nay hầu như chỉ dạy học sinh đọc hiểu văn bản văn học, chưa nắm được cách dạy học đọc hiểu văn bản thông tin. Việc dạy học đọc hiểu văn bản lâu nay chỉ có trong môn Ngữ văn, không có trong các môn học khác. Hơn nữa, từ trước đến nay, giáo viên chỉ dạy các văn bản được quy định sẵn trong chương trình, sách giáo khoa mà chưa phải tự tìm hoặc chưa dám thay đổi ngữ liệu dạy học. Tâm lý ngại ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy học Ngữ văn nói chung cũng khiến cho việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin theo yêu cầu của Chương trình Ngữ văn 2018 gặp khó khăn. Cần phải có những giải pháp trước mắt và lâu dài để khắc phục những trở ngại này.

TỪ KHOA Chương trình Ngữ văn; văn bản thông tin; đọc hiểu văn bản thông tin.

→ Nhận bài 12/6/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/7/2019 → Duyệt đăng 25/8/2019.

1. Đặt vấn đề

Năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) - CT tổng thể và CT các môn học*, trong đó có *CT GDPT môn Ngữ văn* (gọi tắt là *CT Ngữ văn 2018*). Dạy học (DH) văn bản thông tin (VBTT) - bao gồm cả dạy đọc và dạy viết - là một điểm mới trong CT này, thể hiện mục tiêu đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và xu thế quốc tế trong dạy học Ngữ văn. Hiện nay, trong nước chưa có nhiều nghiên cứu về DH đọc hiểu (DH) VBTT theo yêu cầu của CT Ngữ văn 2018. Vì thế, đối với giáo viên (GV) Ngữ văn, việc DH đọc hiểu VBTT theo yêu cầu của CT là một điều còn mới mẻ và có không ít khó khăn, thử thách. Do vậy, cần phải có những giải pháp mang tính vĩ mô và vi mô để nâng cao chất lượng DH đọc hiểu loại văn bản (VB) này ở nhà trường phổ thông của Việt Nam trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tâm quan trọng của việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh phổ thông

2.1.1. Quan niệm về văn bản thông tin

VBTT từ lâu đã được đưa vào CT GDPT môn Ngữ văn của các quốc gia lớn trên thế giới như Hoa Kỳ, Singapore, Anh, Úc, Canada, Hàn Quốc và nhiều nước khác (Tác giả sử dụng thuật ngữ *Ngữ văn* để gọi chung tên môn học ở các nước khác tương ứng với môn *Ngữ văn* trong nhà trường phổ thông của Việt Nam, ví dụ: Hoa Kỳ gọi môn học này là "English - Language Arts", Singapore gọi là "English Language", Hàn Quốc gọi là "Korean language"...). CT của các nước kể trên đều có quy định rõ ràng về các loại VBTT được dạy học DH ở mỗi lớp, mục tiêu DH, chuẩn

cần đạt, phương pháp dạy học (PPD11) và kiểm tra đánh giá (KTĐG) khả năng đọc các loại VB ấy.

Trong CT GDPT môn Ngữ văn hiện hành của Việt Nam (ban hành năm 2006, gọi tắt là CT Ngữ văn 2006), thuật ngữ "VBTT" chưa xuất hiện, thay vào đó là thuật ngữ "VB nhật dụng" (VBND) với cách hiểu "không phải là một thể loại văn học hay một kiểu VB. Sơ dĩ gọi VB nhật dụng là xuất phát từ nội dung đề tài (gắn với những vấn đề có tính thời sự) ... và vì thế những VB này có thể thuộc bất kì thể loại nào của văn học hoặc không phải VB văn học" [1].

CT GDPT môn Ngữ văn mới của Việt Nam (ban hành năm 2018, gọi tắt là CT Ngữ văn 2018) đã xác định VBTT là một trong ba loại VB lớn được dạy học từ tiểu học đến trung học phổ thông (bên cạnh VB văn học và VB nghị luận). Đây là một loại "VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin" [2]. Theo quan niệm của CT Ngữ văn 2018, VBTT bao gồm VBND (VB chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hằng ngày) và VB thuyết minh (VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin), trong đó có cả VB đa phương thức (VB có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh). VBTT được dạy học ở tất cả các khối lớp (từ lớp 11 đến lớp 12). Quan niệm này của CT Ngữ văn 2018 tương đồng với quan niệm của CT GDPT của nhiều nước trên thế giới.

2.1.2. Vai trò của việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh phổ thông

Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới như Nell, K., & Duke, Duke & Pearson, Ruth Helen Yopp và Hallie Kay Yopp, Jongseong Jeong, Janet S. Gaffney và Jin-Oh Choi, Barbara Moss ... đã đưa ra quan niệm về vai trò của DH

hiểu VBTT của học sinh (HS) phổ thông và hướng GV dạy học loại VB này. Đặc biệt, Michael R. Graves rằng: “Về cơ bản, chúng ta đọc loại VB này để chuyển các thông tin hoặc kiến thức trong VB thành tri thức mình với mục đích sử dụng trong học tập và đời sống hoặc làm tư liệu cho mai sau. Chỉ nguyên mục đích đã làm cho việc đọc VBTT trở nên khác với đọc VB học” [3]. Jongseong Jeong, Janet S. Gaffney và Jin-Choi dẫn lời Schmar - Dobler (2003) đã khẳng định năng truy cập, sáng lọc, đánh giá và tổng hợp một loạt thông tin trên Internet là không thể thiếu cho sự thành công và sự sống còn ở trường học cũng như tại nơi làm việc của con người [4].

Đối diện với DH và KTĐG kết quả đọc hiểu VBTT ở các ngoài không thể không kể đến CT đánh giá học sinh quốc tế (PISA). Theo PISA [5], VB cần đọc của HS ở lứa tuổi 15 (cuối cấp Trung học cơ sở (THCS)) chủ yếu là VBTT, trong đó có VB đa phương thức. PISA nêu 5 nhiệm vụ đọc mà HS phải thực hiện, gồm: Lấy thông tin từ VB; Ôn lại kiến thức biết chung về VB; Phát triển sự hiểu biết VB; Phân tích và đánh giá về nội dung của VB; Phân tích và đánh giá về hình thức của VB. Năm nhiệm vụ trên được chia thành ba khía cạnh chính: Truy cập và lấy thông tin; Tích hợp và giải thích; Phân tích và đánh giá. PISA nêu 6 mức độ đọc với VB in. Theo cách diễn giải của PISA, mức độ 6, 5, 4 bao gồm việc hiểu VB được học, vận dụng vào đọc VB mới; Các mức độ còn lại áp dụng với những VB được học hoặc quen thuộc với người đọc. Các mức độ này vừa là yêu cầu cần đạt, cũng là những chỉ số KTĐG kết quả ĐHVB, chủ yếu là VBTT của HS. Quan trọng và yêu cầu của PISA về ĐHVB không dựa theo một mô hình GDPT của một quốc gia cụ thể nào. Tuy nhiên, tính nay, đã có hơn 80 nước tham gia PISA và làm theo yêu cầu của CT này. Việt Nam đã tham gia PISA vào năm 2012. Điều đó chứng tỏ rằng trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, các nước đang xích lại gần nhau, thống nhất một quan điểm và những yêu cầu chung về ĐHVB.

Hiện thấy được xu thế quốc tế trong DH đọc hiểu VBTT, tác giả Phạm Thị Thu Hiền [6] sau khi so sánh vấn đề VB trong CT GDPT môn Ngữ văn của Việt Nam và các nước trên thế giới như Singapore, Hàn Quốc, bang California (Hoa Kỳ) đã đưa ra một số đề xuất về vấn đề VB cho CT GDPT của Việt Nam sau năm 2015. Tác giả khẳng định mạnh, cần phải coi trọng DH đọc hiểu VBTT ở nhà trường phổ thông để hình thành và phát triển NL đọc cho HS. Đồng thời, cần học tập cách xây dựng chuẩn đọc hiểu, DH và KTĐG khả năng đọc hiểu VBTT của các nước tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ (qua trường hợp bang California) cũng như PISA. Tác giả cũng khẳng định mạnh, hình thành và phát triển năng lực ĐHVB, trong đó có hiểu VBTT không chỉ là nhiệm vụ của GV môn Ngữ văn mà còn là nhiệm vụ của GV ở các môn khoa học tự nhiên (KHTN) và khoa học xã hội (KHXX) khác. Đồng thời, những công trình nghiên cứu của mình, các tác giả

Phạm Thị Thu Hương, Trịnh Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Trần Thị Ngọc, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thế Hưng... cũng cho rằng, sau năm 2015, VBTT nên được cân nhắc giảng dạy ở một mức độ phù hợp với vị trí quan trọng của loại VB này trong cuộc sống. Khi thiết kế nội dung giảng dạy VBTT, nên lưu ý đến tính đa dạng của kiểu loại VB này, nhất là quan tâm đến việc dạy học VB đa phương thức để tạo cơ hội giúp HS tiếp cận với càng nhiều kiểu loại VBTT cụ thể càng tốt vì đây chủ yếu là những dạng VB mà HS tiếp xúc hàng ngày. Đồng thời, cần chú ý nhiều hơn đến việc dạy loại VB này theo hướng hình thành và phát triển NL cho người học.

Gần đây, tác giả Đỗ Ngọc Thống và các cộng sự [7], [8] đã nêu ra những hướng dẫn về PPDH đọc hiểu VBTT. Trong đó, tác giả nêu chuẩn đầu ra, yêu cầu và quy trình dạy đọc VBTT (chuẩn bị cho bài dạy, quy trình lên lớp với những chỉ dẫn cụ thể về công việc phân mở đầu bài dạy ĐH, tổ chức cho HS đọc hiểu; Hướng dẫn HS rút ra các lưu ý về cách đọc và gọi mở những vấn đề cần tiếp tục suy nghĩ, đọc thêm để củng cố, phát triển kĩ năng đọc) cùng một số bài dạy minh họa. Những hướng dẫn này có tham khảo cách làm của các nước khác trên thế giới. Tuy nhiên, vẫn chưa có những chỉ dẫn thật cụ thể cho việc dạy học từng kiểu loại VBTT.

Như vậy, mặc dù chưa có những công trình nghiên cứu về VBTT và DH đọc hiểu VBTT ở trường phổ thông của Việt Nam, nhưng không thể phủ định vai trò của VBTT và tầm quan trọng của việc DH đọc hiểu loại VB này cho HS ở trường phổ thông của Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Những thách thức đối với việc dạy đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông của Việt Nam

2.2.1. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực văn là một điều mới mẻ với giáo viên Ngữ văn

Cho đến nay, GV Ngữ văn ở trường phổ thông vẫn chủ yếu dạy học theo CT và SGK hiện hành (CT Ngữ văn 2006). Hầu hết GV chưa có thói quen sử dụng CT, DH theo yêu cầu của CT mà chủ yếu sử dụng và dựa vào SGK, sách GV. CT và SGK hiện hành được biên soạn theo định hướng tiếp cận nội dung là chính cho nên PPDH và KTĐG của GV cũng theo hướng này. Mặc dù, thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã đặt ra vấn đề đổi mới PPDH và KTĐG theo định hướng phát triển NL của HS, nhưng do thói quen dạy học, đặc biệt là chưa có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ giữa PPDH và KTĐG nên việc DH Ngữ văn của GV ở trường phổ thông vẫn thiên về hướng cung cấp kiến thức cho người học.

CT Ngữ văn 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển NL của HS, “thông qua các VB ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời” [2]. Ngoài những NL

chung, CT hướng tới hình thành và phát triển cho HS hai NL chuyên biệt, gồm NL ngôn ngữ và NL văn học. Trong đó, ĐHV (gồm đọc hiểu VB văn học (VBVH) và VBTT) góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển hai NL này. Tuy nhiên, DH theo định hướng phát triển NL - nhất là NL đọc hiểu, đáp ứng yêu cầu của CT mới và coi SGK chỉ là tài liệu tham khảo trong DH vẫn là một điều mới mẻ với hầu hết các GV Ngữ văn ở trường phổ thông.

2.2.2. Giáo viên Ngữ văn chưa có kinh nghiệm dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

Thật vậy, CT Ngữ văn 2006 quy định cụ thể, chi tiết tên các VB hoàn chỉnh hoặc đoạn trích được dùng làm ngữ liệu DH đọc hiểu cho HS. Hiện nay, ở cấp THCS có 01 bộ SGK được sử dụng trên cả nước; Ở THPT có 02 bộ sách, nhưng hầu như chỉ khác nhau về số lượng VB/đoạn trích (cách nâng cao dạy nhiều VB hơn sách cơ bản). HS trên cả nước sẽ đọc hiểu các VB/đoạn trích giống nhau. Đặc biệt, hầu hết các VB được dùng làm ngữ liệu DH đọc hiểu trong SGK Ngữ văn là các VBVH (bao gồm cả văn học Việt Nam và nước ngoài, từ văn học dân gian đến văn học viết, có cả văn học trung đại và hiện đại... được viết theo hầu hết các thể loại của văn học. Mỗi thể loại, HS học ít nhất 01 VB/đoạn trích). HS trên cả nước đều học các VB giống nhau (về số lượng và nội dung), chưa có sự phân hóa theo trình độ của HS và vùng miền. Trong CT Ngữ văn 2006, các VBND chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với VBVH. Càng lên các khối lớp cao hơn, các VBND càng ít được dạy hơn.

Cụ thể, ở cấp THCS có 140 VBVH/154 VB/đoạn trích được DH, số còn lại là VB nhật dụng (VBND). Ở THPT có 70 VBVH trong tổng số 72 VB/đoạn trích được DH chính thức cho HS theo CT chuẩn. Trên thực tế, trong SGK Ngữ văn, có nhiều VB được xếp vào loại VBTT như các bài học về văn học sử và lí luận văn học. Nhưng GV không dạy các bài này theo hướng đọc hiểu VB mà thuyết trình, giảng giải, phân tích, yêu cầu HS ghi nhớ kiến thức. Ngoài ra, trong CT Ngữ văn 2006 chưa có VB đa phương thức. HS chưa được dạy đọc hiểu các loại VB này.

Mặt khác, lâu nay ở Việt Nam, dạy học đọc hiểu VB chỉ có trong môn Ngữ văn, không có trong các môn học khác. Mặc dù trong tất cả các môn học/hoạt động giáo dục, HS đều phải sử dụng kĩ năng đọc (gồm đọc SGK, đọc tài liệu tham khảo...) để học tập. Đồng thời, trong SGK các môn KHTN và KHXH, tất cả các bài học đều được thiết kế, trình bày dưới dạng VBTT. Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp THPT, người học cũng sẽ phải đọc nhiều VBTT... nhưng việc rèn luyện kĩ năng đọc, nhất là đọc hiểu VB cho HS Việt Nam lâu nay chỉ được coi là trách nhiệm của các GV Ngữ văn. Trong giờ học các môn học khác, GV không đặt ra mục tiêu hướng dẫn HS cách đọc VB, không chú trọng đến việc yêu cầu HS đọc VB theo những kĩ năng nhất định. Điều này dẫn đến việc HS ít có cơ hội được rèn luyện, phát triển các kĩ năng đọc hiểu VBTT.

Nguyên nhân của hiện tượng này là do xu hướng coi trọng

văn học và DH văn học ở trường phổ thông của Việt Nam. Tên gọi môn học "Ngữ văn" đã có từ năm 2002, nhưng đến nay người ta vẫn thường gọi đây là môn "Văn" (literature). Nhắc đến môn học này là người ta nghĩ đến các tác phẩm văn học và việc "giảng văn" (GV nói ra cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học theo cách hiểu của mình hoặc cách hiểu của các nhà phê bình văn học nổi tiếng cho HS nghe và ghi chép lại) cũng như làm văn nghị luận văn học. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quan niệm DH của GV. Ngay cả khi văn đề "đọc hiểu" và "dạy học đọc hiểu" đã được đặt ra với CT Ngữ văn 2006, nhiều người vẫn cho rằng dạy học đọc hiểu VB chủ yếu là dạy đọc hiểu VBVH, bản chất môn Ngữ văn là DH về các tác phẩm văn chương.

Theo quan niệm của CT Ngữ văn 2018, VBTT (bao gồm cả VB đa phương thức) được dạy học ở tất cả các khối lớp ở trường phổ thông. Nhưng hiện nay, trong nước chưa có nhiều nghiên cứu về DH đọc hiểu VBTT theo yêu cầu của CT 2018. Vì thế, đối với GV phổ thông, việc DH đọc hiểu VBTT là một thách thức lớn.

2.2.3. Giáo viên Ngữ văn chỉ dạy các văn bản được quy định sẵn trong chương trình, sách giáo khoa, chưa phải tự tìm bản/ngữ liệu để dạy học

Nếu CT Ngữ văn 2006 quy định chi tiết tên từng tác phẩm/đoạn trích phải dạy ở mỗi tuần, mỗi học kì ở mỗi khối lớp; HS trên cả nước ở mỗi học kì, mỗi khối lớp phải đọc các VB giống nhau thì CT Ngữ văn 2018 chỉ quy định một số VBVH - là một số tác phẩm lớn của nền VH dân tộc bắt buộc phải dạy học. Còn lại, CT đưa ra danh mục các VB được gọi ý để lựa chọn. Tuy nhiên, các VB đó chủ yếu là VBVH. Với VBTT, CT chỉ nêu tên các kiểu loại và đề tài của VB, không nêu đích danh VB nào. Các tác giả viết SGK sẽ dựa vào đó hoặc dựa vào tiêu chí lựa chọn VB (mà CT nêu ra) để tìm ngữ liệu cho bộ sách của mình. GV cũng có thể tự tìm các ngữ liệu phù hợp để thiết kế bài giảng hoặc ra đề KTĐG học sinh. Điều này sẽ giúp GV dạy học đáp ứng được trình độ của người học, phát huy được sự sáng tạo của bản thân.

Tuy nhiên, sự "thông thoáng" này vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với những GV vốn đã quen với việc phụ thuộc vào ngữ liệu DH trong SGK, vào các sách tham khảo. Việc ngại đọc, không tự tin vào những VB mà mình lựa chọn cũng sẽ khiến GV khó tìm được những ngữ liệu phù hợp, nhất là những VBTT có nội dung cập nhật, mới mẻ. Sẽ có nhiều GV vẫn cứ "trung thành" với một bộ SGK nào đó mà không dám đổi mới, thay đổi vì sợ "sai" và sợ mất thời gian. Với các GV ở vùng sâu, vùng xa, việc tự mình lựa chọn VB để DH, nhất là VB đa phương thức cũng như việc tự thiết kế nội dung DH để đạt chuẩn/yêu cầu cần đạt của CT Ngữ văn 2018 sẽ là những trở ngại lớn đối với họ.

2.2.4. Khả năng và điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Ngữ văn của giáo viên chưa tốt

Các VB trong SGK Ngữ văn hiện hành được viết bằng chữ, trình bày theo kiểu truyền thống, in đen trắng trên

y; không có VB đa phương thức. Trong giờ dạy học đọc VB, ngoài phần mềm Powerpoint, hầu như GV không dùng các phần mềm khác để DH; HS hầu như không mạng internet để tìm kiếm các nguồn học liệu hoặc tác với nhau qua các nền tảng CNTT. Ngoài ra, nhiều thông phổ thông ở Việt Nam hiện nay chưa được trang bị phương tiện dạy học hiện đại. Phòng học hầu như chỉ có ng, bàn ghế. Chưa có nhiều phòng học được trang bị máy p, máy chiếu, bảng thông minh... Chất lượng của mạng ernet ở các trường phổ thông chưa thực sự tốt.

hững rào cản về mặt tâm lý và thiếu thốn về cơ sở vật ất này đã kéo theo sự trì trệ, ngại ngần của phần lớn GV ng việc ứng dụng CNTT trong DH Ngữ văn nói chung, y học đọc hiểu VB nói riêng. Rất nhiều GV Ngữ văn ra có khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học. Trong đó, theo yêu cầu của CT mới, GV phải dạy nhiều VBTT, ng đó có nhiều VB đa phương thức. Đặc biệt, thời đại h mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi phải ứng dụng nhiều n, có hiệu quả hơn CNTT trong dạy học sẽ khiến cho GV ữ văn gặp khó khăn trong DH đọc hiểu VBTT.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông của Việt Nam trong thời gian tới
Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chủ yếu nêu những giải pháp mang tính vĩ mô để bước đầu giúp GV lo gỡ những khó khăn khi DH đọc hiểu VBTT ở trường ố thông.

2.3.1. Giải pháp trước mắt

Thứ nhất, qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ện đàn, các hội thảo, tập huấn,... cần giúp GV thay đổi ận thức về DH đọc hiểu VBTT trong và ngoài môn Ngữ n, thấy được tầm quan trọng của việc DH đọc hiểu loại ậ này cho HS phổ thông. Bởi đây là một xu thế quốc tế ng DH Ngữ văn. VB được dùng để DH đọc hiểu cho HS iểu nước không chỉ là VB VH mà còn là VBTT. Chẳng n, trong CT Tiếng Anh của Singapore, các nhà khoa học cho biết CT sử dụng một loạt các nguồn tài nguyên in không in - những tài nguyên cung cấp các ngữ cảnh xác ực cho việc đọc và quan sát. Theo đó, các tài nguyên in ực gọi y là báo chí, hình ảnh và các bản in quảng cáo; ại nguyên không in gồm các nguồn kỹ thuật số như VB n các website (Ví dụ: các bài báo, blog, wiki...). *Chuẩn ặng cốt lõi* của nhiều bang ở Hoa Kì cũng quy định các ả mà HS sẽ đọc hiểu, trong đó có VBTT, bao gồm các ược in ấn hoặc được trình bày bằng phần mềm kỹ thuật Ậm chí, tỉ lệ VBTT mà HS ở Hoa Kì phải đọc n như sau [9]:

Lớp học	VB văn học	VB thông tin
Lớp 4	50%	50%
Lớp 8	45%	55%
Lớp 12	30%	70%

Thứ hai, cần giới thiệu và phổ biến rộng rãi cách làm của các quốc gia đi đầu về việc DH đọc hiểu VBTT ở trường phổ thông trong việc xây dựng chuẩn đọc hiểu, PPDH và KTĐG đọc hiểu VBTT trong môn Ngữ văn cũng như trong các môn KHTN và KHXH khác.

Trong môn Ngữ văn, CT Ngữ văn 2018 đã xác định được 4 nhóm chuẩn về đọc hiểu VBTT, bao gồm nhóm chuẩn về đọc hiểu nội dung; Nhóm chuẩn về đọc hiểu hình thức; Nhóm chuẩn về liên hệ, so sánh, kết nối và nhóm chuẩn về đọc mở rộng. Về cơ bản, những yêu cầu này đã tiếp cận với xu thế quốc tế trong DH đọc hiểu VBTT trong môn Ngữ văn của nhiều nước trên thế giới. Song, để giúp HS đạt được những chuẩn này cần có những nghiên cứu sâu và cụ thể hơn về cách dạy học đọc hiểu VBTT cho HS phổ thông. Do đó, rất cần tìm hiểu cách dạy học của các nước như Mĩ, Úc, Singapore... và định hướng vận dụng cho phù hợp với nhà trường của Việt Nam.

Trong các môn KHTN và KHXH khác như đã đề cập đến ở trên, HS đọc rất nhiều VBTT trong SGK để lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng. Tuy nhiên, khả năng đọc hiểu của HS đối với những VB này chưa cao. Vì vậy, cần có những hướng dẫn GV dạy các môn học này cách thức dạy HS đọc hiểu VBTT trong SGK như cách mà GV ở các nước tiên tiến đã làm. Tuy nhiên, cần phải có sự vận dụng linh hoạt cho phù hợp với thực tiễn của Việt Nam theo những định hướng sau đây:

- Về mục tiêu DH đọc hiểu VBTT trong các môn KHTN và KHXH: Góp phần bồi dưỡng và nâng cao NL ngôn ngữ cho HS, giúp HS lĩnh hội tốt hơn tri thức và kỹ năng của các môn học thuộc hai lĩnh vực này để nâng cao kết quả học tập.

- Về PPDH đọc hiểu VB trong các môn KHTN và KHXH: Người tiến hành dạy đọc hiểu VB trong các môn học này chính là GV phụ trách môn học. Nhưng, cần lưu ý rằng nhiệm vụ chính của GV là hướng dẫn HS lĩnh hội kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực môn học mà họ phụ trách chứ không phải hướng dẫn HS đọc hiểu như trong môn Ngữ văn. Tuy nhiên, họ sẽ là người có vai trò quan trọng trong sự phát triển NL đọc của HS, giúp HS vận dụng những kỹ năng đã học vào thực tiễn. Để hướng dẫn HS đọc hiểu VBTT trong các môn KHTN và KHXH, trước hết GV ở các bộ môn này cần nắm vững PPDH bộ môn mà mình đảm nhiệm, nắm vững đặc điểm của các loại VB thường dùng trong CT, SGK và các nguồn tài liệu khác có liên quan đến môn học, đồng thời cũng phải nắm vững kỹ năng đọc hiểu VBTT. Kỹ năng đọc hiểu VBTT của GV ở các bộ môn này một mặt đã được hình thành từ khi còn là HS phổ thông, mặt khác được hình thành trong quá trình tự học hoặc được bồi dưỡng ở trường đại học. Ngoài ra, việc hướng dẫn HS đọc hiểu VBTT trong các môn học khác sẽ không diễn ra theo trình tự của giờ DH đọc hiểu VBTT trong môn Ngữ văn mà rùy thuộc vào mục đích của bài học, kết hợp với PPDH của bộ môn, GV sẽ hướng dẫn HS tìm kiếm, lựa chọn, giải thích và đánh giá thông tin từ VB.

2.3.2. Giải pháp lâu dài

a. *Đưa vào CT đào tạo GV của các trường đại học các học phần về VBTT, dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc hiểu VBTT của HS phổ thông*

Hiện nay, trong CT đào tạo của nhân sự phạm Ngữ văn của các trường đại học chưa có các môn học riêng về VBTT, PPDH và KTĐG đọc hiểu VBTT của HS phổ thông. Các sinh viên (SV) học ngành này đang học rất nhiều các học phần về VH và dạy học VBVH. Họ ít được học hoặc nghe nói về VBTT và PPDH, KTĐG kết quả đọc hiểu VBTT. Điều đó sẽ khiến cho SV khi ra trường gặp nhiều khó khăn trong khi hướng dẫn HS đọc hiểu. Ngoài ra, SV các ngành Sư phạm Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý... chưa bao giờ nghĩ rằng mình có nhiệm vụ phải hướng dẫn HS đọc VBTT trong SGK các môn học ấy. Ở các CT đào tạo SV dạy các môn KHTN và KHXH, không có bất kì một học phần nào nhắc đến công việc này.

Vì vậy, để giúp SV ngành Sư phạm Ngữ văn và SV các ngành Sư phạm khác khi ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, cần phải bổ sung vào các học phần hoặc đưa thêm vào các học phần mới về VBTT, PPDH và KTĐG kết quả đọc hiểu VB của HS phổ thông. Đồng thời, cần sớm biên soạn các giáo trình về lĩnh vực này để phục vụ cho các CT đào tạo.

b. *Tiến hành nghiên cứu về phương pháp dạy học và đánh giá kết quả đọc hiểu VBTT của HS theo yêu cầu của CT Ngữ văn 2018*

Như đã nói ở trên, VBTT trong CT Ngữ văn (2018) bao gồm VBND (VB chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hàng ngày) và VB thuyết minh (VB chủ yếu dùng để cung cấp thông tin), trong đó có cả VB đa phương thức. Hiện nay, các tài liệu nghiên cứu trong nước về DH và KTĐG kết quả đọc hiểu các loại VB này còn khá ít. Vì vậy, để giúp GV có thể dạy đọc hiểu các loại VB này, cần nghiên cứu về PPDH và KTĐG kết quả đọc hiểu VBTT của HS theo yêu cầu của CT Ngữ văn 2018, tập trung vào những vấn đề sau: Đặc điểm của VBTT nói chung, VBND và VB thuyết minh nói riêng, cách đọc VBTT (cách đọc chung và cách đọc từng loại VB), PPDH và KTĐG kết quả đọc hiểu VBTT (chung và riêng cho từng loại). Đặc biệt, cần có những hướng dẫn về cách ứng dụng công nghệ thông tin vào DH đọc hiểu VBTT, bởi hiện nay, nhiều VBTT thuộc nhóm VB đa phương thức, nếu GV không biết cách ứng dụng công nghệ thông tin thì sẽ không thể dạy các VB này được đúng hướng, đáp ứng mục tiêu đã đặt ra.

Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về PPDH và KTĐG kết quả đọc hiểu VBTT của HS phổ thông. Những kết quả nghiên cứu được thể hiện ra trong các VB CT và chuẩn CT môn học (chẳng hạn như CT môn Tiếng Anh của Singapore, Chuẩn chung cốt lõi của bang California - Hoa Kỳ) với những yêu cầu cần đạt, gợi ý về PPDH và KTĐG. Các tài liệu này đã được đưa lên mạng internet, rất dễ dàng để xem, dịch ra và phổ biến cho GV. Bên cạnh đó, các tài liệu của OECD, NAEP cũng có thể là những tư liệu tham

khảo quý giá đối với GV của Việt Nam nếu chúng được phổ biến rộng rãi.

Tuy nhiên, không nên bắt chước nguyên vẹn hoặc máy móc áp dụng tất cả các chuẩn cũng như PPDH và KTĐG của các nước như Mỹ, Singapore, Úc... trong DH đọc hiểu VBTT mà cần có những nghiên cứu và giải pháp vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với trình độ của GV, cơ sở vật chất của các trường phổ thông của Việt Nam hiện nay.

c. *Đào tạo lại và tập huấn cho GV phổ thông - những người đã quen dạy theo CT Ngữ văn 2006 về quy trình dạy học và KTĐG đọc hiểu VBTT*

Hiện nay, hầu hết các GV dạy Ngữ văn ở trường phổ thông đều quen thuộc với cách dạy VBVH theo hướng giảng văn, coi trọng việc dạy học VBVH. Vì thế, để thay đổi quan niệm và nhất là PPDH, cách thức KTĐG kết quả đọc hiểu VBTT của HS, cần mở các lớp bồi dưỡng thường xuyên, các CT tập huấn định kì để giúp họ biết cách DH loại VB mới được đưa vào CT Ngữ văn này. Bộ GD&ĐT, các trường đại học sư phạm cần xây dựng các CT bồi dưỡng GV một cách có hiệu quả để giúp GV đáp ứng được yêu cầu của CT Ngữ văn 2018 nói riêng cũng như những sự thay đổi, cập nhật trong quá trình DH môn Ngữ văn nói chung.

d. *Xây dựng các tuyển tập VBTT có thể dùng làm ngữ liệu dạy học và KTĐG kết quả đọc hiểu VB của HS*

CT Ngữ văn mới (2018) đã đưa ra những tiêu chí để lựa chọn ngữ liệu DH đọc hiểu, trong đó có VBTT. CT cũng nêu các các thể loại và đề tài của VBTT được dạy ở từng khối lớp nhưng chưa nêu đích danh VB nào bắt buộc phải dạy học cho HS. GV có quyền lựa chọn VB làm ngữ liệu dạy học, miễn là đáp ứng được các tiêu chí về lựa chọn ngữ liệu theo quy định của CT. Tuy nhiên, lựa chọn ngữ liệu để DH là một công việc khó khăn, đòi hỏi GV phải là người đọc nhiều và có trình độ thẩm định các VB. Một mặt, cần có những hướng dẫn GV cách thức lựa chọn ngữ liệu. Mặt khác, các nhà nghiên cứu nên tập trung sưu tầm hoặc biên soạn hệ thống ngữ liệu để giúp cho GV và HS có tài liệu tham khảo, sử dụng trong quá trình DH và mở rộng phạm vi đọc của bản thân.

3. Kết luận

DH đọc hiểu VBTT cho HS phổ thông là một xu thế quốc tế, phản ánh tầm quan trọng của loại VB này trong học tập cũng như trong đời sống của HS. Đọc tốt VBTT, HS sẽ có khả năng tự học và học suốt đời. Tuy nhiên, dạy đọc hiểu loại VB này cho HS đáp ứng yêu cầu của CT Ngữ văn 2018 là một thử thách lớn đối với GV ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, trước mắt cần thực hiện tốt các giải pháp trên đây để góp phần giúp việc DH đọc hiểu VBTT đạt được mục tiêu dạy học mà CT Ngữ văn 2018 đã đề ra. Về lâu dài, cần có những nghiên cứu cụ thể hơn về PPDH và cách KTĐG khả năng đọc hiểu VBTT cho từng cấp, lớp và từng тип loại VB để nâng cao chất lượng dạy học DHVB ở trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Sách giáo viên Ngữ văn 6*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*
- [3] Michael R. Graves (2010), *Teaching Reading in the 21st century: Motivating All Learners* (fifth edition), Pearson.
- [4] Jeong, J., Gaffney, J. S., & Choi, J. (2010). *Availability and Use of Informational Texts in Second, Third, and Fourth-Grade Classrooms, Research in the Teaching of English*, 44(4), 435–456. <https://doi.org/10.2307/25704889>.
- [5] OECD, (2012), *PISA 2012 Assessment and Analytical Framework Mathematics. Reading, Science, Problem solving and Financial literacy* (lấy từ <http://www.oecd.org>).
- [6] Phạm Thị Thu Hiền (2016). *Đề xuất về việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường trung học của Việt Nam trong thời gian tới, Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc*
- Đổi mới và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường Sư phạm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Phạm Thị Thu Hiền (chủ biên), Bùi Minh Đức, Đỗ Thu Hà, Lê Thị Minh Nguyệt. (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn Trung học cơ sở*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [8] Đỗ Ngọc Thống (tổng chủ biên), Bùi Minh Đức (chủ biên), Đỗ Thu Hà, Phạm Thị Thu Hiền, Lê Thị Minh Nguyệt (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn Trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
- [9] National Assessment Governing Board U.S. Department of Education, (2008). *Reading Framework for the 2009 National Assessment of Educational Progress*.
- [10] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

SOME SOLUTIONS TO IMPROVE THE TEACHING QUALITY OF INFORMATIONAL TEXT READING COMPREHENSION IN SCHOOLS

Phạm Thị Thu Hiền

HNU University of Education,
Vietnam National University, Hanoi
44 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
Email: hiendpham170980@gmail.com

ABSTRACT: *Teaching informational text reading comprehension for students in many countries around the world has been carried out for many years; however, in Vietnam it is a new feature in the 2018 Philology Curriculum. For a long time, Philology teachers have been only teaching students to read literature, they do not yet know how to teach informational text reading comprehension which is only taught in Philology subject with the texts in the course books, but not in other subjects. Moreover, the reluctance to use information technology in teaching Philology in general also makes the teaching activities of informational text reading more difficult to meet requirements of the 2018 Philology Curriculum. This article proposes both short-term and long-term solutions to overcome these obstacles.*

KEYWORDS: Philology Curriculum; informational texts; reading informational texts.